



**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT HÀ TỈNH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM KHOA CẬN LÂM SÀNG**  
Địa chỉ: Số 229, Nguyễn Huy Tự, thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

Tel: 02393.853851

Web: cdchatinh@gmail.com

TCVN ISO/IEC

17025:2017



Email: clscdc.ht@gmail.com

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

**TEST REPORT**

- Tên mẫu/Name of Sample:** Nước ăn uống
- Khách hàng/Customer:** Chi nhánh công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh - Cấp nước Thành Phố Hà Tĩnh

Mẫu lấy tại nhà Phan Thị Song- SN 134 đường Chính Hữu- P Thành Sen – Tỉnh Hà Tĩnh

- Lượng mẫu/Amount:** 1500ml
- Mô tả tình trạng mẫu/Sample status description:** Đạt
- Mã mẫu /Sample code:** 0409250171
- Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:** 04/09/2025
- Ngày thử nghiệm/Testing date:** 04/09/2025 - 9/09/2025
- Kết quả/ Result :**

| STT/<br>No. | Chỉ tiêu/<br>Parameter | Kết<br>quả/<br>Result    | Đơn vị/Unit | Giới hạn tối<br>đa***<br>/Regular Limit | Phương pháp thử<br>Test method |
|-------------|------------------------|--------------------------|-------------|-----------------------------------------|--------------------------------|
| 1           | Mùi, vị*               | Không<br>có mùi<br>vị lạ | -           | Không có mùi<br>vị lạ                   | Cảm quan                       |
| 2           | Màu sắc *              | 0                        | TCU         | 15                                      | Đo máy                         |
| 3           | Độ đục                 | 0,52                     | NTU         | 2                                       | TCVN 6184:2008                 |
| 4           | pH                     | 7,22                     | -           | 6,0 – 8,5                               | TCVN 12402-2-2020              |
| 5           | Asen*                  | KPH                      | mg/l        | 0,01                                    | Test nhanh                     |
| 6           | Clo tự do*             | 0,56                     | mg/l        | 0,2 -1,0                                | Đo máy DR 300                  |
| 7           | Coliforms              | KPH                      | CFU/100ml   | <1                                      | TCVN 6187-1:2019               |
| 8           | E.coli                 | KPH                      | CFU/100ml   | <1                                      | TCVN 6187-1:2019               |
| 9           | Sắt                    | < 0,1                    | mg/l        | 0,3                                     | TCVN 6177:1996                 |
| 10          | Nitrit*                | KPH                      | mg/l        | 0,9                                     | Đo máy palintest 7500          |
| 11          | Nitrat*                | KPH                      | mg/l        | 11                                      | Đo máy palintest 7500          |
| 12          | Sunfat*                | 1                        | mg/l        | 250                                     | Đo máy palintest 7500          |
| 13          | Mangan*                | 0,016                    | mg/l        | 0,1                                     | Đo máy palintest 7500          |
| 14          | Chỉ số<br>Pecmanganat  | <0,5                     | mg/l        | 2                                       | TCVN 6186:1996                 |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/Test results are valid for the namely submitted sample (s) only.  
2. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thông tin chi tiết/Please contact us at the below address for further information  
3. \*\*\* Chỉ tiêu không được công nhận/ \*\*\* Not accredited criteria.  
4. \*\*\*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/ \*\*\*\* Tests performed by subcontractors





**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT HÀ TĨNH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM KHOA CẬN LÂM SÀNG**  
Địa chỉ: Số 229, Nguyễn Huy Tự, thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

Tel: 02393.853851

Email: clscdc.ht@gmail.com

Web: cdchatinh@gmail.com

**TCVN ISO/IEC**  
**17025:2017**

|    |                    |      |      |     |                       |
|----|--------------------|------|------|-----|-----------------------|
| 14 | Chỉ số Pecmanganat | <0,5 | mg/l | 2   | TCVN 6186:1996        |
| 15 | Độ cứng            | <5   | mg/l | 300 | SMEWW 2340C:2023      |
| 16 | Chloride (C)*      | 3,6  | mg/l | 250 | Đo máy palintest 7500 |
| 17 | Fluor*             | 0,17 | mg/l | 1,5 | Đo máy palintest 7500 |
| 18 | Amoni*             | KPH  | mg/l | 0,3 | Đo máy palintest 7500 |

Ghi chú/Note: \*\*\* Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1: 2024/ BYT .

KPH: Không phát hiện

Hà Tĩnh, ngày/date 15 tháng/month 9 năm/year 2025

**P.GIÁM ĐỐC**

*Vice president*



**Hoàng Văn Sơn**

**KHOA CẬN LÂM SÀNG**

*Head of Clinical Physiology*





**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT HÀ TĨNH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM KHOA CẬN LÂM SÀNG**  
Địa chỉ: Số 229, Nguyễn Huy Tự, thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

Tel: 02393.853851

Web:cdchatinh@gmail.com

TCVN ISO/IEC

17025:2017



Email: clscdc.ht@gmail.com

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

**TEST REPORT**

- Tên mẫu/Name of Sample:** Nước ăn uống
- Khách hàng/Customer:** Chi nhánh công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh - Cấp nước Thành Phố Hà Tĩnh  
Mẫu lấy tại nhà Lê Hoàng Phát - SN 69 đường Hà Huy Tập- P Thành Sen – Tỉnh Hà Tĩnh
- Lượng mẫu/Amount:** 1500ml
- Mô tả tình trạng mẫu/Sample status description:** Đạt
- Mã mẫu /Sample code:** 0409250174
- Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:** 04/09/2025
- Ngày thử nghiệm/Testing date:** 04/09/2025 - 9/09/2025
- Kết quả/ Result :**

| STT/<br>No. | Chỉ tiêu/<br>Parameter | Kết<br>quả/<br>Result    | Đơn vị/Unit | Giới hạn tối<br>đa***<br>/Regular Limit | Phương pháp thử<br>Test method |
|-------------|------------------------|--------------------------|-------------|-----------------------------------------|--------------------------------|
| 1           | Mùi, vị*               | Không<br>có mùi<br>vị lạ | -           | Không có mùi<br>vị lạ                   | Cảm quan                       |
| 2           | Màu sắc *              | 0                        | TCU         | 15                                      | Đo máy                         |
| 3           | Độ đục                 | 0,52                     | NTU         | 2                                       | TCVN 6184:2008                 |
| 4           | pH                     | 7,14                     | -           | 6,0 – 8,5                               | TCVN 12402-2-2020              |
| 5           | Asen*                  | KPH                      | mg/l        | 0,01                                    | Test nhanh                     |
| 6           | Clo tự do*             | 0,58                     | mg/l        | 0,2 -1,0                                | Đo máy DR 300                  |
| 7           | Coliforms              | KPH                      | CFU/100ml   | <1                                      | TCVN 6187-1:2019               |
| 8           | E.coli                 | KPH                      | CFU/100ml   | <1                                      | TCVN 6187-1:2019               |
| 9           | Sắt                    | < 0,1                    | mg/l        | 0,3                                     | TCVN 6177:1996                 |
| 10          | Nitrit*                | KPH                      | mg/l        | 0,9                                     | Đo máy palintest 7500          |
| 11          | Nitrat*                | KPH                      | mg/l        | 11                                      | Đo máy palintest 7500          |
| 12          | Sunfat*                | 0                        | mg/l        | 250                                     | Đo máy palintest 7500          |
| 13          | Mangan*                | 0,006                    | mg/l        | 0,1                                     | Đo máy palintest 7500          |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/Test results are valid for the namely submitted sample (s) only.

2. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thông tin chi tiết/Please contact us at the below address for further information

3. \*\*\* Chỉ tiêu không được công nhận/ \*\*\* Not accredited criteria.

4. \*\*\*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/ \*\*\*\* Tests performed by subcontractors

BM-QT-15.01

Ban hành lần 02





**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT HÀ TĨNH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM KHOA CẬN LÂM SÀNG**  
Địa chỉ: Số 229, Nguyễn Huy Tự, thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

Tel: 02393.853851

Web: cdchatinh@gmail.com

TCVN ISO/IEC  
17025:2017

Email: clscdc.ht@gmail.com

|    |               |      |      |     |                       |
|----|---------------|------|------|-----|-----------------------|
| 15 | Độ cứng       | <5   | mg/l | 300 | SMEWW 2340C:2023      |
| 16 | Chloride (C)* | 4,7  | mg/l | 250 | Đo máy palintest 7500 |
| 17 | Fluor*        | 0,16 | mg/l | 1,5 | Đo máy palintest 7500 |
| 18 | Amoni*        | KPH  | mg/l | 0,3 | Đo máy palintest 7500 |

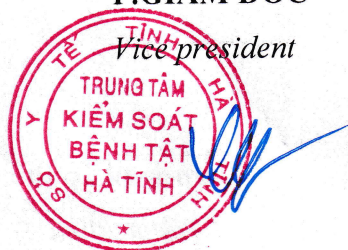
Ghi chú/Note: \*\*\* Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1: 2024/ BYT .

KPH: Không phát hiện

Hà Tĩnh, ngày/date 15 tháng/month 9 năm/year 2025

**P. GIÁM ĐỐC**

*Vice president*



**Hoàng Văn Sơn**

**KHOA CẬN LÂM SÀNG**

*Head of Clinical Physiology*





**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT HÀ TỈNH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM KHOA CẬN LÂM SÀNG**  
Địa chỉ: Số 229, Nguyễn Huy Tự, thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

Tel: 02393.853851

Web: cdchatinh@gmail.com

TCVN ISO/IEC

17025:2017



Email: clscdc.ht@gmail.com

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

**TEST REPOR**

1. **Tên mẫu/Name of Sample:** Nước ăn uống

2. **Khách hàng/Customer:** Chi nhánh công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh - Cấp nước Thành Phố Hà Tĩnh

Mẫu lấy tại nhà Phạm Văn Thái - SN 01/4 Ngõ 101 đường Hà Tông Trình- P Thành Sen – Tỉnh Hà Tĩnh

3. **Lượng mẫu/Amount:** 1500ml

4. **Mô tả tình trạng mẫu/Sample status description:** Đạt

5. **Mã mẫu /Sample code:** 0409250173

6. **Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:** 04/09/2025

7. **Ngày thử nghiệm/Testing date:** 04/09/2025 - 9/09/2025

8. **Kết quả/ Result :**

| STT/<br>No. | Chỉ tiêu/<br>Parameter | Kết<br>quả/<br>Result    | Đơn vị/Unit | Giới hạn tối<br>đa***<br>/Regular Limit | Phương pháp thử<br>Test method |
|-------------|------------------------|--------------------------|-------------|-----------------------------------------|--------------------------------|
| 1           | Mùi, vị*               | Không<br>có mùi<br>vị lạ | -           | Không có mùi<br>vị lạ                   | Cảm quan                       |
| 2           | Màu sắc *              | 0                        | TCU         | 15                                      | Đo máy                         |
| 3           | Độ đục                 | 0,64                     | NTU         | 2                                       | TCVN 6184:2008                 |
| 4           | pH                     | 6,98                     | -           | 6,0 – 8,5                               | TCVN 12402-2-2020              |
| 5           | Asen*                  | KPH                      | mg/l        | 0,01                                    | Test nhanh                     |
| 6           | Clo tự do*             | 0,62                     | mg/l        | 0,2 -1,0                                | Đo máy DR 300                  |
| 7           | Coliforms              | KPH                      | CFU/100ml   | <1                                      | TCVN 6187-1:2019               |
| 8           | E.coli                 | KPH                      | CFU/100ml   | <1                                      | TCVN 6187-1:2019               |
| 9           | Sắt                    | < 0,1                    | mg/l        | 0,3                                     | TCVN 6177:1996                 |
| 10          | Nitrit*                | KPH                      | mg/l        | 0,9                                     | Đo máy palintest 7500          |
| 11          | Nitrat*                | KPH                      | mg/l        | 11                                      | Đo máy palintest 7500          |
| 12          | Sunfat*                | 0                        | mg/l        | 250                                     | Đo máy palintest 7500          |
| 13          | Mangan*                | 0,012                    | mg/l        | 0,1                                     | Đo máy palintest 7500          |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/Test results are valid for the namely submitted sample (s) only.

2. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thông tin chi tiết/Please contact us at the below address for further information

3. \*\*\* Chỉ tiêu không được công nhận/ \*\*\* Not accredited criteria.

4. \*\*\*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/ \*\*\*\* Tests performed by subcontractors

BM-QT-15.01

Ban hành lần 02





TCVN ISO/IEC  
17025:2017

**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT HÀ TĨNH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM KHOA CẬN LÂM SÀNG**  
Địa chỉ: Số 229, Nguyễn Huy Tự, thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

Tel: 02393.853851

Email: clscdc.ht@gmail.com

Web: cdchatinh@gmail.com

|    | Pecmanganat   |      |      |     |                       |
|----|---------------|------|------|-----|-----------------------|
| 15 | Độ cứng       | <5   | mg/l | 300 | SMEWW 2340C:2023      |
| 16 | Chloride (C)* | 5,6  | mg/l | 250 | Đo máy palintest 7500 |
| 17 | Fluor*        | 0,22 | mg/l | 1,5 | Đo máy palintest 7500 |
| 18 | Amoni*        | KPH  | mg/l | 0,3 | Đo máy palintest 7500 |

Ghi chú/Note: \*\*\* Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1: 2024/ BYT .

KPH: Không phát hiện

Hà Tĩnh, ngày/date 15 tháng/month 9 năm/year 2025

**P.GIÁM ĐỐC**

Vice president



**Hoàng Văn Sơn**

**KHOA CẬN LÂM SÀNG**

Head of Clinical Physiology





**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT HÀ TỈNH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM KHOA CẬN LÂM SÀNG**  
Địa chỉ: Số 229, Nguyễn Huy Tự, thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

Tel: 02393.853851

Web: cdchatinh@gmail.com

TCVN ISO/IEC



Email: clscdc.ht@gmail.com

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

**TEST REPORT**

1. Tên mẫu/Name of Sample: Nước ăn uống

2. Khách hàng/Customer: Chi nhánh công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh - Cấp nước Thành Phố Hà Tĩnh

Mẫu lấy tại nhà Nguyễn Văn Hòa- SN 01/4 Ngõ 101 đường Hà Tông Trình- P.Thành Sen – Tỉnh Hà Tĩnh

3. Lượng mẫu/Amount: 1500ml

4. Mô tả tình trạng mẫu/Sample status description: Đạt

5. Mã mẫu /Sample code: 0409250172

6. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date: 04/09/2025

7. Ngày thử nghiệm/Testing date: 04/09/2025 - 9/09/2025

8. Kết quả/ Result :

| STT/<br>No. | Chỉ tiêu/<br>Parameter | Kết<br>quả/<br>Result    | Đơn vị/Unit | Giới hạn tối<br>đa***<br>/Regular Limit | Phương pháp thử<br>Test method |
|-------------|------------------------|--------------------------|-------------|-----------------------------------------|--------------------------------|
| 1           | Mùi, vị*               | Không<br>có mùi<br>vị lạ | -           | Không có mùi<br>vị lạ                   | Cảm quan                       |
| 2           | Màu sắc *              | 0                        | TCU         | 15                                      | Đo máy                         |
| 3           | Độ đục                 | 0,48                     | NTU         | 2                                       | TCVN 6184:2008                 |
| 4           | pH                     | 7,02                     | -           | 6,0 – 8,5                               | TCVN 12402-2-2020              |
| 5           | Ase.n*                 | KPH                      | mg/l        | 0,01                                    | Test nhanh                     |
| 6           | Clo tự do*             | 0,42                     | mg/l        | 0,2 -1,0                                | Đo máy DR 300                  |
| 7           | Coliforms              | KPH                      | CFU/100ml   | <1                                      | TCVN 6187-1:2019               |
| 8           | E.coli                 | KPH                      | CFU/100ml   | <1                                      | TCVN 6187-1:2019               |
| 9           | Sắt                    | < 0,1                    | mg/l        | 0,3                                     | TCVN 6177:1996                 |
| 10          | Nitrit*                | KPH                      | mg/l        | 0,9                                     | Đo máy palintest 7500          |
| 11          | Nitrat*                | KPH                      | mg/l        | 11                                      | Đo máy palintest 7500          |
| 12          | Sunfat*                | 0                        | mg/l        | 250                                     | Đo máy palintest 7500          |
| 13          | Mangan*                | 0,008                    | mg/l        | 0,1                                     | Đo máy palintest 7500          |
| 14          | Chỉ số                 | <0,5                     | mg/l        | 2                                       | TCVN 6186:1996                 |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/Test results are valid for the namely submitted sample (s) only.

2. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thông tin chi tiết/Please contact us at the below address for further information

3. \*\*\* Chỉ tiêu không được công nhận/ \*\*\* Not accredited criteria.

4. \*\*\*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/ \*\*\*\* Tests performed by subcontractors

BM-QT-15.01

Ban hành lần 02





TCVN ISO/IEC  
17025:2017

**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT HÀ TĨNH**  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM KHOA CẬN LÂM SÀNG**  
Địa chỉ: Số 229, Nguyễn Huy Tự, thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

Tel: 02393.853851

Email: elscdc.ht@gmail.com

Web: cdchatinh@gmail.com

|    |                       |      |      |     |                       |
|----|-----------------------|------|------|-----|-----------------------|
| 14 | Chỉ số<br>Pecmanganat | <0,5 | mg/l | 2   | TCVN 6186:1996        |
| 15 | Độ cứng               | <5   | mg/l | 300 | SMEWW 2340C:2023      |
| 16 | Chloride (C)*         | 7,1  | mg/l | 250 | Đo máy palintest 7500 |
| 17 | Fluor*                | 0,36 | mg/l | 1,5 | Đo máy palintest 7500 |
| 18 | Amoni*                | KPH  | mg/l | 0,3 | Đo máy palintest 7500 |

Ghi chú/Note: \*\*\* Áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1: 2024/ BYT .

KPH: Không phát hiện

Hà Tĩnh, ngày/date 15 tháng/month 9 năm/year 2025

**P.GIÁM ĐỐC**

Vice president



**Hoàng Văn Sơn**

**KHOA CẬN LÂM SÀNG**

Head of Clinical Physiology

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/Test results are valid for the namely submitted sample (s) only.  
2. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thông tin chi tiết/Please contact us at the below address for further information  
3. \*\*\* Chỉ tiêu không được công nhận/ \*\*\* Not accredited criteria.  
4. \*\*\*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/ \*\*\*\* Tests performed by subcontractors